

KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

○ PGS. TS. PHẠM HỒNG QUANG* - NGUYỄN KHẮC HÙNG**

Qúa trình xây dựng và hoàn thiện các biện pháp giáo dục pháp luật (GDPL) cho học sinh (HS) trung học phổ thông (THPT) dựa trên các nguyên tắc sau đây: 1) GDPL hướng đến mục tiêu phát triển toàn diện con người; 2) GDPL phải vừa đảm bảo tính khoa học, vừa đảm bảo tính GD; 3) GDPL phải thể hiện tính liên tục, tính hệ thống và tính đồng tâm; 4) GDPL phải vừa đảm bảo tính lí luận ở mức độ cần thiết, vừa đảm bảo tính thực tiễn; 5) GDPL phải đảm bảo tính vừa sức HS; 6) GDPL phải là một bộ phận hữu cơ của chương trình GD phổ thông.

1. Các nguyên tắc trên đã được chúng tôi vận dụng vào thực nghiệm một số biện pháp GDPL cho HS trường THPT (tại TP Hồ Chí Minh)

Thực nghiệm gồm 3 nhóm biện pháp: - *Nhóm biện pháp tác động vào nhận thức của các lực lượng gồm:* đổi mới tư duy về GDPL, kết hợp các mặt GD đạo đức, trí tuệ với PL; Nâng cao nhận thức về phạm vi rộng lớn của công tác GDPL trong nhà trường; - *Nhóm biện pháp tác động vào nội dung, chương trình GD,* gồm: đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức dạy môn GD công dân (GDCC); đa dạng hoá các hình thức tổ chức GDPL cho HS; đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng GV dạy môn GDCC ở trường THPT; đổi mới công tác đánh giá kết quả công tác GDPL; - *Nhóm biện pháp tác động vào công tác quản lí* gồm: xây dựng môi trường GD và môi trường PL thống nhất tại địa phương và trong nhà trường; hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm huy động các lực lượng trong quá trình kết hợp GDPL cho HS; gắn các hoạt động GDPL trong nhà trường với các hoạt động kinh tế - xã hội tại địa phương.

1) *Tiêu chuẩn để đánh giá kết quả thực nghiệm*

- Tiêu chuẩn đánh giá mức độ nắm tri thức về PL: Hình thành tri thức PL: hiểu được các nội dung điều luật, các quy định, quy chế, các văn bản

(gồm các nội dung cốt lõi). Mở rộng và làm sâu sắc tri thức PL: trên cơ sở nắm khái niệm cơ bản, kiến thức cơ bản đã được học, HS hiểu vấn đề thông qua xử lí một tình huống cụ thể, hoặc tri thức khái niệm đó được hiểu mở rộng trên một đối tượng khác. Am hiểu thấu đáo PL: biểu hiện ở mức độ nắm sâu sắc khái niệm, biết phân tích cơ sở khoa học của tri thức đó, xác định được các mối quan hệ giữa kiến thức PL với các vấn đề liên quan. Biết đánh giá đúng đắn các hành vi PL: thể hiện ở thái độ đồng tình hay phản đối, nhận định đúng hoặc sai về một hành vi và phân biệt được tình huống ứng xử đúng trong hệ thống các tình huống tương tự (không đúng với yêu cầu của PL, nhưng chưa vi phạm PL).

- Tiêu chuẩn đánh giá lòng tin vào PL (cảm xúc): *Tình cảm về sự công bằng* (ủng hộ hay không ủng hộ, xác định các tiêu chuẩn về sự công bằng trong nhóm hoặc trong cộng đồng, tiêu chuẩn này thể hiện trong các quan hệ với người khác). *Tình cảm trách nhiệm:* phân biệt được nghĩa vụ và bổn phận thông qua xử lí một vấn đề, nghĩa vụ pháp lí và nghĩa vụ (trong khuôn khổ tình cảm..), tự giác, tự nguyện thực hiện các yêu cầu của PL. *Tình cảm pháp chế thể hiện:* ý thức tôn trọng và thực hiện PL, xử sự theo các nguyên tắc nhất định, các chuẩn mực trong quan hệ cá nhân với nhau, giữa cá nhân với cơ quan nhà nước. *Tình cảm không khoan nhượng* với những hành vi vi phạm PL thể hiện ở thái độ cương quyết, thái độ bất bình với các hành vi vi phạm PL.

- Tiêu chuẩn đánh giá động cơ và hành vi tích cực theo PL: *Mức độ lặp lại các thói quen* (có thường xuyên hay không thường xuyên) tuân thủ PL, mức độ kiềm chế không làm những gì PL cấm

* Trường Đại học sư phạm - ĐH Thái Nguyên

** Tạp chí Pháp lí

(thường xuyên hay không thường xuyên). *Thói quen thực hiện nghĩa vụ pháp lí* (mức độ thực hiện thường xuyên hay không thường xuyên) các hành vi thực hiện những hành vi PL bắt phải làm. *Thói quen sử dụng PL* (mức độ sử dụng thường xuyên hay không thường xuyên) sử dụng quyền mà PL cho phép.

2) So sánh kết quả nhận thức về PL của HS thực nghiệm - đối chứng (TN-ĐC)

a) *Về định lượng:* Các lần đo nghiệm điểm trung bình cộng (TBC) về nhận thức của HS về PL lớp TN cao hơn lớp ĐC. Cụ thể: tổng đo nghiệm của 3 nhóm TN là: 10,9; 12,2; 13,1. Sau các lần đo, kết quả chênh lệch rõ rệt, cụ thể: từ 10,9 đã tăng lên 13,1. Kết quả trên đã có thể khẳng định độ lệch chuẩn của các lớp TN và ĐC có giá trị: các lớp TN có độ lệch chuẩn luôn nhỏ hơn độ lệch chuẩn của các lớp ĐC.

b) *Về định tính:* Mức độ hiểu về PL của HS các lớp 10 và 12 có tăng lên rõ rệt. Lớp 10, các em hiểu về PL là những quy định bắt buộc mà mọi người dân phải thực hiện. Khi lí giải tại sao thì phần lớn các em chưa lí giải được cặn kẽ. Điều này cũng dẫn đến hành vi thực hiện các quy định về quy chế thi, học tập trong phạm vi trường học của các em thường có thái độ miễn cưỡng. Lớp 11, một số em đã nhận ra các dấu hiệu cơ bản của tiến trình xây dựng luật pháp, như: nhân dân có quyền tham gia vào việc xây dựng các văn bản PL, các đại biểu Quốc hội là người đại diện. Lớp 12, ý kiến của các em đã xác định rõ: «PL là những quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung được nhà nước quy định và bảo đảm thi hành bằng sức mạnh của nhà nước». Như vậy, càng ngày các em hiểu bản chất đúng đắn, khoa học và nhân văn của các văn bản quy phạm PL. Hiểu đúng để hành động đúng - đó là yếu tố bền vững của kết quả GD; có thái độ ủng hộ bởi tính chất nhân văn của các nội dung quy định sẽ tạo động cơ khích lệ con người thực hiện.

3) Kết quả về thái độ đối với nhiệm vụ thực hiện PL của HS

Kết quả tính trung bình cộng và độ lệch chuẩn đo nghiệm về thái độ HS: từ lần đo trước đến các lần đo tiếp theo, điểm TBC về thái độ của HS lớp ĐC và TN đều tăng nhưng ở các lớp TN tăng đều và rõ rệt hơn. Ví dụ, giữa 2 lần đo có độ chênh là: 6,56 và 7,11; 8,00. Độ lệch chuẩn ở các lớp TN có xu hướng giảm dần, ví dụ: 1,79 giảm còn

1,77 và 1,60. So sánh kết quả ở các tham số TBC và độ lệch chuẩn có thể xác định là: thái độ với PL, GDPL của HS các lớp tham gia TN là đúng đắn, có biến chuyển tốt.

4) Kết quả so sánh về hành vi PL của HS TN-ĐC

Kết quả điểm TBC về hành vi của HS các lớp TN cao hơn lớp ĐC. Độ lệch chuẩn của các lớp TN luôn nhỏ hơn nhóm ĐC và có xu hướng giảm dần. Kết quả này cho thấy, các số liệu quanh giá trị TBC ở các lớp TN luôn cao hơn lớp ĐC. Như vậy, mức độ hình thành hành vi PL đúng đắn của HS trong khối TN đã có kết quả chắc chắn hơn lớp ĐC. Các tác động của TN đã có hiệu quả, tác dụng nhất định đến hành vi tuân thủ PL của HS.

5) Kết quả so sánh mức độ phù hợp giữa nhận thức - thái độ - hành vi PL

Tiêu chí	NT - TĐ			NT - HV			TĐ - HV		
Lần đo	2	4	6	2	4	6	2	4	6
TN	0,67	0,68	0,72	0,56	0,67	0,77	0,56	0,67	0,71
ĐC	0,44	0,45	0,57	0,44	0,34	0,45	0,45	0,56	0,67

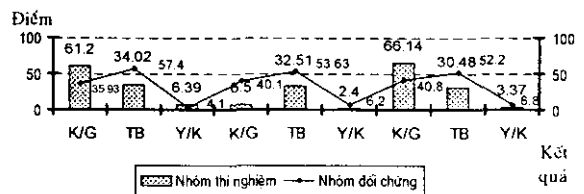
Trong các lần đo, sự tương quan giữa các biến số: *Nhận thức - thái độ; nhận thức - hành vi; thái độ - hành vi* ở các lớp TN có R_s luôn lớn hơn R tới hạn. Kết quả ở lớp TN, quan hệ giữa các biến số: nhận thức, thái độ, hành vi PL có quan hệ chặt chẽ so với lớp ĐC. Mức độ hiểu PL và thái độ đối với PL thường có sự tương ứng; biểu hiện hành vi đạt ở mức chuẩn mực (đảm bảo các yêu cầu của hành vi PL) phù hợp với thái độ và khả năng nhận thức về PL của HS.

6) Kết quả chung về GDPL cho HS THPT

Lần đo	2			4			6		
X. loại	Khá	TB	Yếu	Khá	TB	Yếu	Khá	TB	Yếu
TN	39,56	45,00	51,44	40,00	45,00	15	61,87	34,00	4,13
ĐC	33,56	50,00	16,44	34,78	51,45	13,77	58,87	38,56	2,57

Trong các lần đo 2, 4, 6, ý thức về PL của HS các lớp TN luôn cao hơn ở các lớp ĐC. Các kết quả đo cho thấy xu hướng giảm dần các kết quả TB và yếu, kết quả khá tăng dần lên. Kết quả này được đánh giá trên cơ sở các kết quả xét kỉ luật, xếp loại đạo đức và đánh giá của hội đồng GV, đặc biệt là GV chủ nhiệm.

Biểu đồ so sánh kết quả khối TN và ĐC:



Trong các lần đo, kết quả học tập của HS khối lớp TN so với lớp ĐC đều cao hơn. Tác động GD (thông qua hệ thống các biện pháp TN) đã có tác dụng thiết thực đến việc nâng cao kết quả học tập của HS. Cụ thể: các môn học có ưu thế như môn GDCD, kết quả học tập môn học có quan hệ chặt chẽ với ý thức, thái độ hành vi chấp hành PL của HS.

7) Nhận xét của các lực lượng GD

Các nhà quản lí (hiệu trưởng THPT) đã khẳng định: *Hiệu quả của biện pháp GD nhằm vào việc hình thành cho HS kiến thức vững chắc về PL, GDPL một cách tự nhiên, hiệu quả; GV khi triển khai các biện pháp đã áp dụng vào việc soạn giáo án có phương pháp tốt hơn. Các biện pháp TN đã có tác dụng nhất định đối với công tác GDPL cho HS bậc THPT. GV giảng dạy trực tiếp và tổ chức các hoạt động GD đã khẳng định: các biện pháp đã góp phần hướng dẫn GV có sự chủ động và sáng tạo hơn trong quá trình giảng dạy và tổ chức các hoạt động GD. Kết quả khảo sát về các tiêu chí: tính khoa học, tính khả thi, tính hợp lí và mức độ sáng tạo của các biện pháp cùng với kết quả TN đã chứng minh các biện pháp đề xuất bước đầu có hiệu quả, tác dụng góp phần vào việc nâng cao chất lượng GDPL cho HS THPT nói riêng và GD thanh niên nói chung.*

2. Nhận xét từ kết quả TN

- Các biện pháp được triển khai dưới dạng bài giảng TN hoặc các hoạt động GD đã bước đầu khẳng định tác dụng và hiệu quả thiết thực đối với mục tiêu GDPL cho HS THPT. Mục đích GD theo các mức độ từ đơn giản đến phức tạp tri thức PL cho HS đã đạt được.

- Căn cứ vào nhóm đối tượng hoặc tình hình cụ thể để vận dụng các biện pháp thích hợp, đồng thời sử dụng đồng bộ, hệ thống các biện pháp GD.

- Hệ thống các biện pháp có hiệu quả trước mắt đối với HS (ở cấp độ: kiến thức, kĩ năng, thái độ trong phạm vi bài học cụ thể) và lâu dài nhằm hình thành năng lực GD cộng đồng cho đối tượng HS trong hoạt động thực tiễn.

- Các biện pháp đề xuất bao gồm các điều kiện bên ngoài và bên trong, đó là sự đồng thuận của các lực lượng xã hội và các thành phần chủ chốt trong hệ thống GD. Trong đó, trọng tâm của công tác GDPL ở trường THPT là phát triển kiến thức, hình thành kĩ năng qua các hoạt động để tạo lập hành vi vững chắc cho HS từ kinh nghiệm từ các bậc học trước.

3. Kết luận chung và các kiến nghị

- GDPL cho thế hệ trẻ cần phải được quan tâm đặc biệt và là nhiệm vụ trọng yếu của toàn xã hội. Nội dung GDPL phải trở thành nội dung học vấn quan trọng của nhà trường trong xã hội hiện đại. Chất lượng GDPL cho HS THPT sẽ góp phần khẳng định mức độ chắc chắn của chất lượng nhân cách - sản phẩm của GD. Hiện nay, chất lượng nguồn nhân lực của một quốc gia phụ thuộc vào sự chuẩn bị toàn diện của nhà trường về các mặt đạo đức, nhân cách, trí tuệ, sức khoẻ... trong đó có nội dung GDPL.

- Mức độ hiểu biết, thái độ và hành vi chấp hành tốt PL là một trong những yếu tố cơ bản của phẩm chất nhân cách HS. Cấu trúc của năng lực chấp pháp gồm: hiểu biết về PL và GDPL trong hệ thống các hoạt động xã hội; thái độ của con người đối với các vấn đề PL và hành vi vi phạm PL; hành vi và thói quen thực hiện tốt các quy định của PL. Sự phát triển của các mức độ này phụ thuộc chủ yếu vào nội dung và phương pháp GD, trong đó vai trò tự GD của cá nhân là quyết định.

- Nguyên nhân cơ bản dẫn đến những hành vi vi phạm PL của thanh niên và HSSV những năm gần đây phần lớn là do thiếu hiểu biết kiến thức PL từ trong nhà trường. Phương pháp GDPL trong nhà trường còn cứng nhắc và giáo điều, xa rời cuộc sống trong khi môi trường xã hội với những ảnh hưởng xấu đã tác động mạnh hơn so với tác động GD nhà trường đối với HS. Hành vi chấp pháp tích cực hay không tích cực của những người trẻ tuổi không phụ thuộc hoàn toàn vào mức độ hiểu biết cao hay thấp về kiến thức PL cũng như học vấn chung mà còn phụ thuộc chủ yếu vào các yếu tố môi trường thực thi PL.

- Hệ thống các biện pháp GDPL cho HS THPT cần tập trung vào các vấn đề: a) *Thay đổi tư duy về GDPL theo hướng mới, trong đó gắn chặt GDPL với GD đạo đức, GD trí tuệ trong quá trình GD nhân cách; b) Gắn GDPL trong và bằng GD văn hoá (đó là thông qua môn học, thông qua các hoạt động GD, đổi mới phương pháp, coi trọng đào tạo và bồi dưỡng GV); c) Giải quyết vấn đề GDPL cho HS THPT một cách đồng bộ, trong mô hình tổ chức và quản lí với sự phối hợp chặt chẽ giữa địa phương với nhà trường, giữa nhà trường với gia đình, giữa gia đình với địa phương, giữa thực tiễn GD với chính sách GD.*

- Để GDPL có hiệu quả cho HS THPT cũng như ở các bậc học khác, chiến lược giải quyết vấn đề

này là xây dựng, phát triển chương trình GD phổ thông theo hướng mới: kiến tạo các môn học thành các lĩnh vực GD nền tảng. Qua đó, GV chủ động và sáng tạo phát triển chương trình GD nhằm đạt được các mục tiêu GD. Chiến lược này sẽ góp phần giải quyết các nhiệm vụ GD nền tảng cho HS về các mặt: đạo đức, trí tuệ, PL, môi trường - dân số, kỹ năng sống cũng như các lĩnh vực quan trọng khác.

- GDPL cho HS THPT ở thành phố, đô thị phát triển như TP Hồ Chí Minh cần tính đến các yếu tố đặc trưng, đó là: khả năng nhận thức của HS về các vấn đề xã hội rất nhanh; kinh nghiệm sống của HS phong phú; khả năng tiếp nhận thông tin mới rất tốt; môi trường xã hội thuận lợi nhưng phức tạp; các tác động trong nước và ngoài nước đến với HS từ nhiều chiều hướng ảnh hưởng này đến với HS rất *dồn dập*, đa chiều và phức tạp. Do vậy, các nội dung và phương pháp GDPL ở môi trường này cần coi trọng yếu tố đánh giá năng lực ban đầu của đối tượng và đánh giá hiệu quả của công tác GDPL ở năng lực hoạt động thực tiễn của họ sau khi tốt nghiệp bậc THPT.

- GDPL cho thế hệ trẻ ở nước ta trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, trong bối cảnh giao lưu và hội nhập quốc tế, cần hướng đến một mục đích lớn lao hơn, đó là hình thành một nền văn hoá PL cho thế hệ trẻ, đặt nền tảng cho công cuộc chuẩn bị nguồn lực người tiếp ứng cho sự phát triển bền vững của đất nước.

- *Kiến nghị đối với ngành GD*: Triển khai GDPL đến đối tượng HS càng sớm càng tốt và phải bắt đầu từ những hành vi cụ thể trong cuộc sống của chính trẻ em. Do đó, nội dung chương trình GD cần phải được bổ sung cụ thể các nội dung mới và PP GD phù hợp với từng lứa tuổi; Nhận thức và hành vi chấp hành PL của HS nước ta còn rất yếu kém, một trong những nguyên nhân sâu xa là từ phía người lớn - những tấm gương cho HS về mọi mặt. Do đó, để nâng cao hiệu quả và tăng cường uy lực của hệ thống PL, cần xử lý nghiêm minh các biểu hiện hành vi vi phạm PL và xây dựng môi trường GD; khẩn trương xây dựng và ban hành nội dung - chương trình GDPL ở tất cả các cấp học từ mầm non đến sau đại học với nội dung toàn diện và phương pháp GD hiện đại. Đổi mới nội dung và chương trình các môn học: «GD công dân»; «Hoạt động GD ngoài giờ

lên lớp» theo hướng bổ sung, hoàn thiện các nội dung GDPL cần thiết vào các chủ đề hoạt động thay thế các chủ đề quá trừu tượng, không thiết thực đối với HS.

- *Kiến nghị đối với Nhà nước*: Các văn bản PL có tính chất phổ dụng với mọi người dân cần được xây dựng chi tiết và càng ít các văn bản dưới luật càng tốt nhằm tạo điều kiện tốt hơn cho công tác GDPL, phổ biến PL, thực thi PL. Đối tượng tham gia xây dựng các văn bản luật cần hội tụ đầy đủ yêu cầu về năng lực chuyên gia: có kiến thức về PL, hạn chế việc đang tham gia quản lý trực tiếp ở cơ quan hành pháp và tư pháp, có trình độ tham khảo các văn bản luật nước ngoài và am hiểu thực tiễn các lĩnh vực liên quan; Nhà nước định hướng đối với tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực thông tin - truyền thông cùng với ngành GD phải chung tiếng nói trong GDPL. Nghiêm cấm phổ biến, tuyên truyền (dưới dạng sách báo, phim ảnh, âm nhạc, mĩ thuật) những yếu tố phản GD, phản văn hoá và kích động lối sống tùy tiện, hưởng thụ, lối sống coi thường PL. Thông tin rộng rãi và chính xác về các vụ việc vi phạm PL để nhà trường sử dụng chính thức các thông tin đó đưa vào giảng dạy để tăng tính thực tiễn. □

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Hồng Quang. *Môi trường giáo dục*. NXB Giáo dục, H 2006.
2. Nguyễn Khắc Hùng. "Giáo dục pháp luật cho học sinh THPT, những vấn đề cần quan tâm". *Tạp chí Giáo dục*, số 84/2004.
3. **Những vấn đề cơ bản về pháp luật**. NXB Khoa học xã hội, H 1993.
4. Chính phủ. *Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 - 2012* (ban hành kèm theo QĐ số 37/2008/QĐ TTg ngày 12/03/2008 của Thủ tướng Chính phủ).
5. Tài liệu *Phổ biến giáo dục pháp luật*. Bộ GD-ĐT, 5/2007.

Kính mời các đơn vị trường học đặt mua *Tạp chí Giáo dục* năm 2008 tại các bưu cục gần nhất hoặc tại Tòa soạn theo địa chỉ: *Tạp chí Giáo dục*, số 4 Trịnh Hoài Đức, Hà Nội; ĐT: 04.7345363; Fax: 04.7345363.

TẠP CHÍ GIÁO DỤC